**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6**

**NĂM HỌC 2022 - 2023**

1. **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| **1** | Số tự nhiên  (24 tiết) | Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên. |  | 2  (TL1a; 2a)  2đ | 2  (TL1b;2b)  2đ | 2  (TL1c;TL3)  2đ | 1  (TL7)  0,5đ | 7,5 |
| Tính chia hết và chia có dư trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung. |  |  |  | 1  (TL4)  1đ |
| **2** | Các hình phẳng trong thực tiễn  (10 tiết) | Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | 1  (TN5)  0,5đ |  |  |  |  | 2,5 |
| Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. |  | 1  (TL6a)  1đ | 1  (TL6b)  1đ |  |
| **Tổng: Số câu**  **Điểm** | | | 1  0,5đ | 2  2đ | 3  3đ | 4  4đ | 1  0,5đ | 11  10,0đ |
| **Tỉ lệ %** | | | 25% | | 30% | 40% | 5% | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | | | 55% | | | 45% | | 100% |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ - ĐẠI SỐ** | | | | | | | |
| 1 | **Tập hợp các số tự nhiên** | Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên.  Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên | ***Nhận biết:***  – Thực hiện được phép tính: cộng, trừ trong tập hợp số tự nhiên. | 2TL (TL1a; 2a) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – Thực hiện được tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. |  | 2TL  (TL1b;2b) |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.  – Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. |  |  | 1TL  (TL1c) |  |
| – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...). |  |  | 1  (TL3) |  |
| Tính chia hết và chia có dư trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung | ***Vận dụng:***  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với ước chung, ước chung lớn nhất; bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên. (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).. |  |  | 1TL  (TL4) |  |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được những vấn đề ***phức hợp, không quen thuộc*** gắn với thứ tự thực hiện các phép; tính chia hết và chia có dư trong tập hợp các số tự nhiên. |  |  |  | 1TL  (TL7) |
| **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** | | | | | | | |
| 1 | Các hình phẳng trong thực tiễn | Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều | ***Nhận biết:***  – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | 1TN  (TN5) |  |  |  |
| Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. | ***Nhận biết:***  – Nhận dạng được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – Tính chu vi hoặc diện tích của các hình đặc biệt nói trên trong thực tiễn (đơn giản). |  | 1TL  (TL6a) |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. |  |  | 1TL  (TL6b) |  |
| **Tổng số câu** | | |  | 3 | 3 | 4 | 1 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | 27,27 | 27,27 | 36,36 | 9,1 |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | 54,54 | | 45,46 | |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN TÂN BÌNH**  **TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC: 2022 – 2023**  **MÔN TOÁN – LỚP 6**  **Thời gian làm bài: 60 phút** |

**ĐỀ BÀI**

**Bài 1: (3,0 điểm)** Thực hiện phép tính:

**a/** 153 – 47 + 53

**b/** 258 . 121 – 258 . 21 + 58

**c/**

**Bài 2: (2,0 điểm)** Tìm số tự nhiên x, biết:

**a**/ 98 – x = 12 + 57 ; **b**/

**Bài 3: (1,0 điểm)** Để chuẩn bị tốt cho năm học mới, Tuyết xin mẹ 500 000 đồng vào nhà sách mua 1 bộ sách giáo khoa lớp 6; 20 quyển tập và 3 cây bút đỏ. Giá mỗi bộ sách giáo khoa lớp 6 là 234 000 đồng, mỗi quyển tập 8 000 đồng, mỗi cây bút đỏ 4 000 đồng. Sau khi mua các đồ dùng học tập trên, Tuyết còn lại bao nhiêu tiền?

**Bài 4: (1,0 điểm)** Lớp 6A có 18 học sinh nữ và 24 học sinh nam. Thầy Minh muốn chia lớp thành các nhóm nhỏ để tổ chức hoạt động nhóm. Việc chia nhóm cần đảm bảo gồm cả nam và nữ sao cho số bạn nam và số bạn nữ được chia đều vào các nhóm. Hỏi thầy Minh có thể chia số học sinh lớp 6A được nhiều nhất thành bao nhiêu nhóm?

**Bài 5: (0,5 điểm)** Cho các bức tranh sau:

A picture containing diagram

Description automatically generated

**Chọn đáp án đúng:**

A . Bức tranh có dạng: Hình thoi là hình 3, hình bình hành là hình 1

B . Bức tranh có dạng: Hình thoi là hình 1, hình bình hành là hình 2

C . Bức tranh có dạng: Hình bình hành là hình 4, hình thoi là hình 2

D . Bức tranh có dạng: Hình bình hành là hình 4, hình thoi là hình 3

**Bài 6: (2,0 điểm)** Ông Năm muốn lát nền cho một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 20 m, chiều rộng 5 m.

1. Tính diện tích nền của căn phòng hình chữ nhật.
2. Loại gạch lát nền được sử dụng là gạch hình vuông có cạnh dài 50 cm. Hỏi ông Năm phải sử dụng bao nhiêu viên gạch (phần mạch vữa không đáng kể).

**Bài 7: (0,5 điểm)** Cho P = 1 + 2 + 22 + 23 + 24 + 25 + 26 + … + 2101

P có chia hết cho 15 không? Vì sao?

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN TOÁN LỚP 6**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1** | a) | 0,5 x 2 |
| b) | 0,25 x 2  0,25 x 2 |
| c) | 0,25 x 4 |
| **2** | a/ 98 – x = 12 + 57  98 – x = 69  x = 98 – 69  x = 29 | 0,25  0,5  0,25 |
|  | 0,25  0,25  0,25x2 |
| **3** | Số tiền Tuyết còn lại sau khi mua các đồ dùng học tập trên là:  500 000 – (234 000 + 20 . 8 000 + 3 . 4 000) = 94 000 (đồng) | 1 |
| **4** | Gọi x (nhóm) là số nhóm được chia nhiều nhất.  Theo đề ta có:  18  x ; 24  x và x lớn nhất    Ta có:    Vậy thầy Minh chia được nhiều nhất 6 nhóm. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **5** | Chọn đáp án D. | 0,5 |
| **6** | a) Diện tích nền của căn phòng hình chữ nhật là  20.5 = 100 ()  b) Diện tích một viên gạch hình vuông là    Số viên gạch ông Năm phải sử dụng là  100 : 0,25 = 400 (viên gạch) | 0,25  0,75  0,5  0,5 |
| **7** | P = 1 + 2 + 22 + 23 + 24 + 25 + 26 + … + 2101  = 1 + 2 + (22 + 23+ 24 + 25) + (26 + 27 + 28 + 29) +…+ (298 + 299 + 2100 + 2101)  = 3 + 22(1 + 2 + 22 + 23) + 26(1 + 2 + 22 + 23) + … + 298 (1 + 2 + 22 + 23)  = 3 + 22 . 15 + 26 . 15 + … + 298 . 15  = 3 + 15. (22 + 26 + … + 298)  Vì 3 không chia hết cho 15 và 15. (22 + 26 + … + 298) 15  Nên P không chia hết cho 15 | 0,25  0,25 |

**Học sinh làm cách khác đúng thì cho điểm tối đa.**